| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **609**/2023/HC-PT
Ngày: 22/8/2023
*V/v "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lê Thị Mai;

*Các Thẩm phán*: Ông T Duy Nhiệm;

Ông Phạm Đình Khánh.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Nhật Phương - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:*** Bà Đoàn Thị Bình, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 22 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 282/2023/TLPT-HC ngày 28 tháng 3 năm 2023 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai" do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 34/2022/HC-ST ngày 09 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân tỉnh X3.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 9214/2023/QĐ-PT ngày 07 tháng 8 năm 2023, giữa:

**** Người khởi kiện:*** Ông Cao Văn T, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Thôn X, xã X1, thị xã X2, tỉnh X3; có mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:* Ông Hoàng Bá V, sinh năm 1951;

Địa chỉ: TDP Y, phường Y1, thị xã X2, tỉnh X3; có mặt.

**** Người bị kiện*:**

1. Chủ tịch UBND tỉnh X3 là ông Đỗ Minh T1;

Địa chỉ: Số 35 Đại lộ Z, phường Z1, thành phố Y2, tỉnh X3;

*Người đại diện theo ủy quyền*: Ông Lê Đức G, chức vụ: Phó Chủ tịch; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Chủ tịch UBND thị xã X2, tỉnh X3.

3. UBND thị xã X2, tỉnh X3.

Địa chỉ: Đường Z2, phường Z3, thị xã X2, tỉnh X3;

*Người đại diện theo pháp luật*: Ông Nguyễn Tiến D, chức vụ: Chủ tịch UBND thị xã X2, tỉnh X3;

*Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND và UBND thị xã X2, tỉnh X3:* Ông Phạm Văn N, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thị xã X2, tỉnh X3; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND và UBND thị xã X2, tỉnh X3:*

- Ông Nguyễn Trọng N1 - Phó trưởng phòng Tài nguyên và môi trường thị xã; vắng mặt.

- Ông Hoàng Sỹ H - Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã; vắng mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Ủy ban nhân dân xã X1, thị xã X2, tỉnh X3;

*Người đại diện theo pháp luật*: Ông Nguyễn Anh H1; chức vụ: Chủ tịch UBND xã X1;

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Anh T2; chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã X1; vắng mặt.

- Bà Lê Thị V1; sinh năm 1965;

Địa chỉ: Thôn X, xã X1, thị xã X2, tỉnh X3; vắng mặt.

***Người kháng cáo:*** Ông Cao Văn T.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, người khởi kiện ông Cao Văn T trình bày như sau:*

Năm 1982 nhà nước có Chủ trương cho các hộ dân khai hoang, vỡ hóa làm kinh tế gia đình, gia đình ông đã khai hoang diện tích đất 2.975,7m$^2$ tại khu vực Đông Còn Cẩm để trồng lúa, trồng màu và sử dụng liên tục, ổn định. Đến năm 2011 nhà nước có Chủ trương đo đạc Bản đồ theo Thông tư số 09/2007/TT-BTNMT ngày 02/8/2007 của Bộ Tài nguyên - Môi trường hướng dẫn lập chỉnh lý, quản lý hồ sơ địa chính đã được Giám đốc Sở Tài nguyên - Môi trường tỉnh X3 ký có hiệu lực ban hành ngày 24/5/2011, toàn bộ diện tích đất khai hoang của gia đình ông sử dụng 44 năm (gồm thửa số 183, diện tích

188,6m$^2$, đất chuyên trồng lúa nước; thửa số 207, diện tích 85,9m$^2$, đất trồng cây lâu năm khác; thửa số 214, diện tích 2.680,6m$^2$ đất chuyên trồng lúa nước, thửa đất số 215, diện tích 20,6m$^2$ đất ao nuôi cá nước ngọt) đã được xác định trên bản đồ và Sổ Mục Kê bản đồ 2011.

Thứ nhất: Đất khai hoang của gia đình ông không thuộc diện tích đất công ích do UBND xã quản lý trong bản đồ địa chính;

Thứ hai: Gia đình ông không ký bất cứ hợp đồng thuê đất nào với UBND xã X1 về thuê đất sản xuất;

Thứ ba: Gia đình khai hoang từ năm 1987 sử dụng ổn định 44 năm liên tục vào mục đích sản xuất nông nghiệp.

Căn cứ Điều 97 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 quy định: Điều 97. Đất tự khai hoang, đất chưa sử dụng bị bao chiếm... được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013 tại khoản 2 Điều 77:

*"Đối với đất nông nghiệp đã sử dụng trước ngày 01/7/2004 mà người sử dụng đất đó là hộ gia đình cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp, nhưng không có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật Đất đai, thì được bồi thường đối với diện tích đất thực tế đang sử dụng, diện tích bồi thường không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp quy định tại Điều 129 của luật này".*

Căn cứ Nghị định số 43/ 2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, tại điểm a, khoản 5 Điều 20 và khoản 4, Điều 22 quy định:

*"Hộ gia đình cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp do tự khai hoang mà đất đó phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền duyệt, không có tranh chấp thì được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất theo hạn mức do UBND tỉnh qui định".*

Căn cứ Bộ luật Dân sự năm 2015, tại Điều 236 về Xác lập quyền sở hữu theo thời hiệu do chiếm hữu, được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật:

*"Người chiếm hữu, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật nhưng ngay tình, liên tục, công khai trong thời hạn 10 năm đối với động sản, 30 năm đối với bất động sản thì trở thành chủ sở hữu tài sản đó, kể từ thời điểm bắt đầu chiếm hữu, trừ trường hợp Bộ luật này, luật khác có liên quan quy định khác".*

Căn cứ các quy định nêu trên thì diện tích gia đình ông khai hoang, vỡ hóa đang sử dụng ổn định khi Nhà nước thu hồi phải được bồi thường về đất.

Do đó ông Cao Văn T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 2421/QĐ-UBND ngày 19/3/2021của Chủ tịch UBND thị xã X2 và Quyết định giải quyết khiếu nại số

3518/QĐ-UBND ngày 08/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh X3 đối với hộ ông Cao Văn T;

- Yêu cầu UBND thị xã X2 phải bồi thường cho gia đình ông diện tích 2.975,7m$^2$ đất gồm: Thửa 183 diện tích 188,6m$^2$ đất chuyên trồng lúa nước; thửa 207 diện tích 85,9m$^2$ đất trồng cây lâu năm khác; thửa 214 diện tích 2680,6m$^2$ đất chuyên trồng lúa nước và thửa 215 diện tích 20,6m$^2$ đất ao nuôi cá nước ngọt (đều thuộc tờ bản đồ 105, bản đồ số đo đạc năm 2011).

** Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh X3 trình bày (Tại văn bản ý kiến số 69466/UBND -TP ngày 18/5/2022):*

Thực hiện dự án Xưởng gia công, chế tạo cơ khí VT.CK tại Khu kinh tế O3, UBND thị xã X2 ban hành Quyết định số 175/QĐ-UBND ngày 11/01/2021 về việc thu hồi đất của hộ ông Cao Văn T tại xã X1, thị xã X2, diện tích 2.975,7m$^2$ (gồm: thửa 183, diện tích 188,6m$^2$, đất chuyên trồng lúa nước; thửa 207, diện tích 85,9m$^2$, đất trồng cây lâu năm khác; thửa 214, diện tích 2.680,6 m$^2$, đất chuyên trồng lúa nước; thửa 215, diện tích 20,6 m$^2$, đất nuôi trồng thuỷ sản nước ngọt cùng tờ bản đồ số 105) là đất do UBND xã X1 quản lý không đủ điều kiện bồi thường về đất.

Ông Cao Văn T khiếu nại được bồi thường về đất đã được Chủ tịch UBND thị xã X2 xem xét tại Quyết định GQKN số 2412/QĐ-UBND ngày 19/3/2021. Không đồng ý với Quyết định GQKN của Chủ tịch UBND thị xã X2, ông Cao Văn T khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh. Kết quả xác minh:

1. Về hồ sơ địa chính các thời kỳ có liên quan về các thửa đất ông Cao Văn T đang khiếu nại:

*+ Thửa số 183, tờ bản đồ số 105, diện tích thu hồi 188,6m$^2$:*

- Theo Bản đồ địa chính xã X1 đo vẽ năm 1998: Thuộc một phần thửa số 16, tờ bản đồ số 33, 34, diện tích 307.055 m$^2$, loại đất Mn.Hg (đất có mặt nước chưa sử dụng), sổ mục kê ghi tên UBND xã;

- Theo Bản đồ hiện trạng xã X1 năm 2011: Thửa đất số 183, tờ bản đồ số 105, diện tích 188,6 m$^2$, loại đất LUC, (đất chuyên trồng lúa nước); mục kê mang tên Cao Văn T.

- Theo Mảnh trích lục bản đồ địa chính khu đất số 15/CL- BĐĐC-2020 do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện O lập ngày 16/3/2020: Thuộc thửa số 183, tờ bản đồ số 105, diện tích nguyên thửa 188,6m$^2$, diện tích thu hồi 188,6m$^2$, loại đất LUC.

*+ Thửa đất số 207, tờ bản đồ số 105, diện tích thu hồi 85,9m$^2$:*

- Theo Bản đồ địa chính xã X1 đo vẽ năm 1998: Thuộc một phần thửa số 16, tờ bản đồ số 33, 34, diện tích 307.055m$^2$, loại đất Mn.Hg, (đất có mặt nước chưa sử dụng), sổ mục kê ghi tên UBND xã.

- Theo Bản đồ hiện trạng xã X1 năm 2011: Thửa đất số 207, tờ bản đồ số 105, diện tích 6436,4m$^2$, loại đất LNK, (đất trồng cây lâu năm khác) mục kê mang tên Cao Văn T.

- Theo Mảnh trích lục bản đồ địa chính khu đất số 15/CL- BĐĐC-2020 do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện O lập ngày 16/3/2020: Thuộc thửa số 207, tờ bản đồ số 105, diện tích nguyên thửa 6436,4m$^2$, diện tích thu hồi 85,9m$^2$, loại đất LNK.

*+ Thửa đất số 214, tờ bản đồ số 105, diện tích thu hồi 2.680,6 m$^2$:*

- Theo Bản đồ địa chính xã X1 đo vẽ năm 1998: Thuộc một phần thửa số 16, tờ bản đồ số 33, 34, diện tích 307.055m$^2$, loại đất Mn.Hg, (đất có mặt nước chưa sử dụng), sổ mục kê ghi tên UBND xã.

- Theo Bản đồ hiện trạng xã X1 năm 2011: Thửa đất số 214, tờ bản đồ số 105, diện tích 2680,6m$^2$, loại đất LUC, (đất chuyên trồng lúa nước) mục kê mang tên Cao Văn T.

- Theo Mảnh trích lục bản đồ địa chính khu đất số 15/CL- BĐĐC-2020 do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện O lập ngày 16/3/2020 thuộc: Thửa số 214, tờ bản đồ số 105, diện tích nguyên thửa 2704,5m$^2$, diện tích thu hồi 2680,6m$^2$, loại đất LUC.

*+ Thửa đất số 215, tờ bản đồ số 105, diện tích thu hồi 20,6m$^2$:*

- Theo Bản đồ địa chính xã X1 đo vẽ năm 1998: Thuộc một phần thửa số 16, tờ bản đồ số 33, 34, diện tích 307.055m$^2$, loại đất Mn.Hg, (đất có mặt nước chưa sử dụng), sổ mục kê ghi tên UBND xã;

- Theo Bản đồ hiện trạng xã X1 năm 2011: Thửa số 215, tờ bản đồ 105, diện tích 314,3m$^2$, loại đất TSN (đất nuôi trồng thuỷ sản nước ngọt) mục kê mang tên Cao Văn T;

- Theo Mảnh trích lục bản đồ địa chính khu đất số 15/CL- BĐĐC-2020 do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện O lập ngày 16/3/2020: Thuộc thửa số 215, tờ bản đồ số 105, diện tích nguyên thửa 314,3m$^2$, diện tích thu hồi 20,6m$^2$, loại đất TSN.

2. Việc xác định nguồn gốc đất: Tại Biên bản xác định nguồn gốc sử dụng đất ngày 24/8/2020 của UBND xã X1, Hội đồng xác định nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất xác định:

- Thửa đất số 183, tờ bản đồ số 105, trích lục bản đồ địa chính khu đất do ông Cao Văn T đứng tên có nguồn gốc là đất mặt nước Mn.Hg do UBND xã quản lý. Hiện trạng là hố bom, đất không canh tác, không đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định;

- Thửa đất số 207, tờ bản đồ số 105, trích lục bản đồ địa chính: Diện tích thu hồi (Phần diện tích thuộc dự án) đất mặt nước Mn.Hg do UBND xã quản lý,

ông T khai hoang sau ngày 01/7/2004, diện tích đề nghị thu hồi thực hiện dự án 85,9 $m^2$ không đủ điều kiện bồi thường về đất;

- Thửa đất số 214, tờ bản đồ số 105, trích lục bản đồ địa chính khu đất do ông Cao Văn T đứng tên có nguồn gốc là đất mặt nước Mn.Hg do UBND xã quản lý. Trước khi đóng cửa sông O1 một số hộ có khai hoang để trồng lúa. Năm 1994 mở cống Lạch thì đất nhiễm mặn, các hộ sản xuất không liên tục, bỏ hoang nhiều năm. Năm 2011 ông Cao Văn T đứng tên đo đạc bản đồ nhưng không canh tác, hiện trạng bỏ hoang nhiều năm, cỏ mọc um tùm. Do đó, không đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định;

- Thửa đất số 215, tờ bản đồ số 105, trích lục bản đồ địa chính khu đất do ông Cao Văn T đứng tên có nguồn gốc là đất mặt nước Mn.Hg do UBND xã quản lý, khai hoang sau ngày 01/7/2004, do đó không đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định. Diện tích đất đề nghị thu hồi thực hiện dự án 20,6$m^2$ không đủ điều kiện bồi thường về đất.

Hội đồng xác định nguồn gốc đất của xã X1 xác định cả 04 thửa đất thuộc phần diện tích mặt bằng dự án VT.CK không đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định.

3. Hồ sơ thu hồi, bồi thường đất khi thực hiện dự án:

- Biên bản kiểm kê khối lượng đền bù giải phóng mặt bằng số 02/BBKKGPMB ngày 19/6/2020 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ & TĐC dự án Xưởng gia công, chế tạo cơ khí VT.CK (không có cây cối hoa màu trên đất);

- Quyết định số 175/QĐ-UBND ngày 11/01/2021 của UBND thị xã X2 về việc thu hồi đất do hộ ông Cao Văn T đang sử dụng tại xã X1, thị xã X2 để thực hiện dự án Xưởng gia công, chế tạo cơ khí VT.CK tại Khu kinh tế O3: Thu hồi 2.975,7$m^2$ gồm: Thửa 183, diện tích 188,6$m^2$, loại đất: LUC; thửa 207, diện tích 85,9$m^2$, loại đất: LNK; thửa 214, diện tích 2.680,6$m^2$, loại đất LUC; thửa 215, diện tích 20,6$m^2$, loại đất: TSN; tờ bản đồ số 105 là đất do UBND xã quản lý, không đủ điều kiện bồi thường về đất;

- Quyết định số 151/QĐ-UBND ngày 11/01/2021 của UBND thị xã X2 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án Xưởng gia công, chế tạo cơ khí VT.CK tại Khu kinh tế O3: Kinh phí bồi thường hộ ông Cao Văn T là 0 đồng;

Qua kiểm tra xác minh cho thấy: Quyết định số 175/QĐ-UBND ngày 11/01/2021 của UBND thị xã X2 về việc thu hồi đất do hộ ông Cao Văn T đang sử dụng tại xã X1, thị xã X2 là không đúng, vì tại thời điểm thu hồi đất ông T không sử dụng đất, Hội đồng xác định nguồn gốc đất xã X1 xác định là đất hoang và là đất do UBND xã X1 quản lý.

4. Kết luận:

- Diện tích đất 2.975,7 $m^2$ theo Bản đồ địa chính xã X1 đo vẽ năm 1998 là đất có mặt nước chưa sử dụng do UBND xã X1 quản lý, Nhà nước chưa giao quyền sử dụng đất cho ông T; tại thời điểm thu hồi đất ông T không sử dụng đất. UBND thị xã X2 ban hành Quyết định số 175/QĐ-UBND ngày 11/01/2021 về việc thu hồi đất do hộ ông Cao Văn T sử dụng tại xã X1 là không đúng đối tượng sử dụng đất và không đúng quy định tại khoản 11, Điều 3 Luật Đất đai năm 2013, cụ thể:

*"Nhà nước thu hồi đất là việc Nhà nước quyết định thu lại quyền sử dụng đất của người được Nhà nước trao quyền sử dụng đất hoặc thu lại đất của người sử dụng đất vi phạm pháp luật về đất đai".*

- Diện tích đất 2.975,7$m^2$ ông Cao Văn T không được giao đất, cho thuê đất, không có một trong các loại giấy tờ liên quan đến quyền sử dụng đất quy định tại Điều 100, Luật Đất đai năm 2013 và Điều 18, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

Ông Cao Văn T có khai hoang để sản xuất nông nghiệp, nhưng không sử dụng liên tục, đã bỏ hoang nhiều năm, tại thời điểm thu hồi ông T không sử dụng đất.

Đối chiếu với các quy định nêu trên, việc ông Cao Văn T khiếu nại được bồi thường về đất đối với diện tích đất 2.975,7 $m^2$ là không có cơ sở.

Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 3518/QĐ-UBND ngày 08/9/2021 về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của ông Cao Văn T đảm bảo khách quan, đúng quy định của pháp luật.

** Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch UBND thị xã X2 trình bày (Tại Văn bản ý kiến số 1998/UBND-TTr ngày 23/5/2022):*

Thống nhất với quan điểm, ý kiến của Chủ tịch UBND tỉnh X3 về nguồn gốc sử dụng đất, về hồ sơ quản lý đất đai các thời kỳ tại các thửa đất ông Cao Văn T đang khiếu kiện.

Các thửa đất: thửa số 183, diện tích 188,6$m^2$; thửa 207, diện tích 85,9$m^2$; thửa 214, diện tích 2.680,6$m^2$; thửa 215, diện tích 20,6$m^2$ thuộc tờ bản đồ số 105, Mảnh trích lục bản đồ địa chính khu đất số 15/CL-BĐĐC-2020 do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện O (nay là thị xã X2) lập ngày 16/3/2020, không có một trong các loại giấy tờ liên quan đến quyền sử dụng đất quy định tại Điều 100 Luật đất đai năm 2013 và Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đất đai, UBND xã X1 xác định hộ ông Cao Văn T khai hoang sử dụng vào mục đích nông nghiệp không liên tục, bỏ hoang nhiều năm cho đến thời điểm thu hồi đất.

Căn cứ khoản 4 Điều 82 Luật đất đai năm 2013 hộ ông Cao Văn T thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường về đất.

UBND thị xã X2 ban hành Quyết định thu hồi đất do hộ ông Cao Văn T đang sử dụng tại xã X1 và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án Xưởng gia công, chế tạo cơ khí VT.CK tại khu kinh tế O3 cho ông Cao Văn T 0 đồng. Ông Cao Văn T khiếu nại được bồi thường về đất tại các thửa đất nêu trên là không có cơ sở.

** Đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã X1 trình bày (Tại Văn bản ý kiến số 175/CV-UBND ngày 03/8/202):* Thống nhất với quan điểm giải quyết của UBND thị xã X2 và Chủ tịch UBND tỉnh X3 đối với hộ ông Cao Văn T.

***Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 34/2022/HC-ST ngày 09 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân tỉnh X3 đã quyết định***:

Căn cứ vào: khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; khoản 1 Điều 206 Luật tố tụng hành chính.

Căn cứ vào: điểm h khoản 1 Điều 64; khoản 1 Điều 75; khoản 2 Điều 77; khoản 4 Điều 82 Luật đất đai 2013; khoản 5 Điều 20; khoản 2 Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ.

1. Bác đơn khởi kiện của ông Cao Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 2421/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND thị xã X2 và Quyết định giải quyêt khiêu nại số 3518/QĐ-UBND ngày 08/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh X3 đối với hộ ông Cao Văn T;

- Yêu cầu UBND thị xã X2 phải bồi thường cho gia đình ông diện tích 2.975,7m$^2$ đất gồm: Thửa 183 diện tích 188,6m$^2$ đất chuyên trồng lúa nước; thửa 207 diện tích 85,9m$^2$ đất trồng cây lâu năm khác; thửa 214 diện tích 2680,6m$^2$ đất chuyên trồng lúa nước và thửa 215 diện tích 20,6m$^2$ đất ao nuôi cá nước ngọt (đều thuộc tờ bản đồ 105, bản đồ đo đạc năm 2011).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 22/6/2022, người khởi kiện là ông Cao Văn T có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

***Tại phiên tòa phúc thẩm***:

Người khởi kiện ông Cao Văn T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm vì cho rằng: Nguồn gốc diện tích 2.975,7m$^2$ đất bị thu hồi là do gia đình ông Cao Văn T khai hoang, không thuộc đất do Ủy ban nhân dân xã X1 quản lý; gia đình ông Cao Văn T sử dụng đất liên tục, ổn định từ năm 1987 đến

nay không có biên bản, quyết định xử phạt hành chính, hành vi hành chính về sử dụng đất, quyết định thu hồi đất của các cơ quan có thẩm quyền.

Toàn bộ cánh đồng đó là đất nông nghiệp. Cùng thửa đất số 69 (sau này là thửa 207) năm 2008 khi thu hồi để thực hiện dự án O4 thì được bồi thường về đất nhưng nay Nhà nước thu hồi thửa 207 mà hộ ông T không được bồi thường về đất là mâu thuẫn. việc xác định nguồn gốc đất không có mặt người dân là quá thiệt thòi. Tất cả các thửa đất của hộ ông T bị thu hồi đã được xác định sử dụng trước ngày 01/7/2004, tuy không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng khi bị thu hồi thì vẫn được bồi thường về theo quy định tại Điều 77 Luật Đất đai năm 2013 nhưng Chủ tịch UBND thị xã X2 và Chủ tịch UBND tỉnh X3 không chấp nhận khiếu nại của ông là trái quy định pháp luật nên yêu cầu bồi thường của ông là có căn cứ. Tòa án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T là không đúng quy định. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, tuyên hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm về trình tự, thủ tục ban hành các Quyết định hành chính bị khởi kiện: Các Quyết định giải quyết khiếu nại được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự theo quy định tại Điều 18, Điều 21 Luật Khiếu nại năm 2011. Về nội dung: Hộ ông Cao Văn T không có căn cứ nào xác định việc sử dụng đất ổn định theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ. Tại các thửa đất ông Cao Văn T có khai hoang để sản xuất nông nghiệp, nhưng không sử dụng liên tục, đã bỏ hoang nhiều năm, tại thời điểm thu hồi hộ ông T không sử dụng đất. Ông Cao Văn T khiếu nại là không có cơ sở. Vì vậy, các Quyết định giải quyết khiếu nại số 2421/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND thị xã X2 và Quyết định giải quyêt khiêu nại số 3518/QĐ-UBND ngày 08/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh X3 không chấp nhận khiếu nại của ông T là đúng quy định. Tòa án sơ thẩm bác các yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật. Đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông T; căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Bản án sơ thẩm, lời trình bày của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án;

## NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Ông Cao Văn T khởi kiện đề nghị Toà án hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 2421/QĐ- UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND thị xã X2 và Quyết định giải quyết khiếu nại số 3518/QĐ-UBND ngày 08/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh X3; yêu cầu bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất nên Tòa án nhân dân tỉnh X3 thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[2] Đơn kháng cáo của người khởi kiện trong hạn luật định và hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[3] Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Thực hiện dự án xây dựng Xưởng gia công, chế tạo cơ khí VT.CK tại Khu kinh tế Nghi Sơn, UBND thị xã X2 ban hành Quyết định số 175/QĐ-UBND ngày 11/01/2021 về việc thu hồi của hộ ông Cao Văn T tại xã X1 với tổng diện tích đất 2.975,7m$^2$, đều thuộc tờ bản đồ 105, bản đồ kỹ thuật số đo đạc năm 2011, gồm các thửa: Thửa 183, diện tích 188,6m$^2$, đất chuyên trồng lúa nước; thửa 207, diện tích 85,9m$^2$, đất trồng cây lâu năm khác; thửa 214, diện tích 2.680,6 m$^2$, đất chuyên trồng lúa nước; thửa 215, diện tích 20,6 m$^2$, đất nuôi trông thuỷ sản nước ngọt.

Tại Quyết định số 151/QĐ-UBND ngày 11/01/2021 của UBND thị xã X2 về việc phê duyệt phương án bôi thường, hỗ trợ GPMB dự án Xưởng gia công, chế tạo cơ khí VT.CK tại Khu kinh tế O3, kinh phí bồi thường đối với hộ ông Cao Văn T là 0 đồng.

Ông Cao Văn T khiếu nại yêu cầu được bồi thường về đất đã được Chủ tịch UBND thị xã X2 giải quyết khiếu nại lần 1 tại Quyết định số 2412/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 và Chủ tịch UBND tỉnh X3 giải quyết khiếu nại lần 2 tại Quyết định số 3518/QĐ-UBND ngày 08/9/2021.

Ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các quyết định giải quyết khiếu nại nêu trên và yêu cầu UBND thị xã X2, tỉnh X3 bồi thường về đất theo quy định về đất đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quy định tại Điều 97 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ; khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013; điểm a khoản 5 Điều 20, khoản 4 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ vì cho rằng diện tích đất bị thu hồi do gia đình ông khai hoang vỡ hóa từ năm 1982 và sử dụng vào mục đích canh tác, nuôi trồng thủy sản ôn định, liên tục từ đó đến thời điểm Nhà nước thu hồi đất ngày 11/01/2021; Diện tích đất nêu trên đã được xác định trên bản đồ địa chính và Sổ Mục kê năm 2011.

[4] Xét tính hợp pháp của Quyết định giải quyết khiếu nại số 2421/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND thị xã X2 và Quyết định giải quyết khiếu nại số 3518/QĐ-UBND ngày 08/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh X3 đối với hộ ông Cao Văn T:

[4.1] Về trình tự thủ tục, thẩm quyền ban hành các Quyết định giải quyết khiếu nại: Thực hiện dự án xây dựng Xưởng gia công, chế tạo cơ khí VT.CK tại Khu kinh tế Nghi Sơn, ngày 11/01/2021 UBND thị xã X2 ban hành Quyết định số 175/QĐ-UBND về việc thu hồi của hộ ông Cao Văn T tại xã X1 với tổng diện tích đất 2.975,7m, đều thuộc tờ bản đồ 105, bản đồ kỹ thuật số đo đạc năm 2011. Tại Quyết định số 151/QĐ-UBND ngày 11/01/2021 của UBND thị xã X2 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án Xưởng gia công,

chế tạo cơ khí VT.CK tại Khu kinh tế O3, kinh phí bồi thường đối với hộ ông Cao Văn T là 0 đồng. Ông Cao Văn T khiếu nại yêu cầu được bồi thường về đất. Chủ tịch UBND thị xã X2 giải quyết khiếu nại lần 1 tại Quyết định số 2412/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 và Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết khiếu nại lần 2 tại Quyết định số 3518/QĐ-UBND ngày 08/9/2021. Các Quyết định giải quyết khiếu nại trên được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định tại Điều 18, Điều 21 Luật khiếu nại 2011.

[4.2] Về nội dung, căn cứ giải quyết khiếu nại:

[4.2.1] Tại Sổ mục kê của UBND xã X1 thể hiện: Thời điểm thiết lập bản đồ dịa chính năm 1998, toàn bộ các thửa đất nêu trên đều thuộc loại đất mặt nước chưa sử dụng (Mn.Hg), sổ mục kê ghi UBND xã. Năm 2011, lập bản đồ đo đạc theo Thông tư số 09/2007/TT - BTNMT ngày 02/8/2007 của Bộ Tài nguyên - Môi trường về việc hướng dẫn lập chỉnh lý, quản lý hồ sơ địa chính thì các thửa đất nêu trên mới đứng tên ông Cao Văn T. Người khởi kiện không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh gia đình ông đã khai hoang sử dụng các thửa đất nêu trên từ năm 1982. Tại Biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 24/8/2020 của UBND xã X1, Hội đồng đã xem xét xác định nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất tại các thửa đất nêu trên của hộ ông T sau ngày 01/7/2004 là có cơ sở.

[4.2.2] Căn cứ vào tên chủ sử dụng đất tại bản đồ đo đạc năm 2011, Quyết định thu hồi đất số 175/QĐ-UBND ngày 11/11/2021 của UBND thị xã X2 xác định đối tượng thu hồi đất là ông Cao Văn T là đúng quy định. Tuy nhiên, tại Bản tự kê khai, Đơn đề nghị thu hồi đất, Biên bản kiểm kê khối lượng đền bù giải phóng mặt bằng số 02/BBKKGPMB ngày 19/6/2020 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ & tái định cư (TĐC) dự án Xưởng gia công, chế tạo cơ khí VT.CK, hộ ông Cao Văn T không có tài sản, không có cây cối hoa màu trên đất. Ông T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh gia đình ông sử dụng diện tích đất nêu trên ổn định, liên tục từ trước ngày 01/7/2004 cho đến thời điểm có quyết định thu hồi đất năm 2021. Do đó, có cơ sở để xác định diện tích 2.975,7$m^2$ đất tại tờ bản đồ 105 (đo đạc năm 2011) của gia đình ông T bị thu hồi không thuộc trường hợp đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quy định tại Điều 99 Luật đất đai năm 2013; điểm a khoản 5 Điều 20, khoản 4 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

[4.2.3] Thời điểm thu hồi đất, hộ ông T không có tài sản trên đất nên Quyết định số 151/QĐ-UBND ngày 11/01/2021 của UBND thị xã X2 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án Xưởng gia công, chế tạo cơ khí VT.CK tại Khu kinh tế O3 không bồi thường về đất đối với hộ ông Cao Văn T là đúng quy định. Quyết định giải quyết khiếu nại số 2421/QĐ- UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND thị xã X2 và Quyết định giải quyết khiếu nại số 3518/QĐ-UBND ngày 08/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh X3 không chấp nhận khiếu nại đòi bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất của ông T là

có căn cứ.

[4.2.4] Như đã phân tích, không có căn cứ bồi thường về đất đối với diện tích 2.975,7m$^2$ đất bị thu hồi nên Tòa án sơ thẩm bác yêu cầu của ông Cao Văn T về việc buộc UBND thị xã X2 phải bồi thường cho gia đình ông diện tích 2.975,7m$^2$ đất gồm: Thửa 183 diện tích 188,6m$^2$ đất chuyên trồng lúa nước; thửa 207 diện tích 85,9m$^2$ đất trồng cây lâu năm khác; thửa 214 diện tích 2680,6m$^2$ đất chuyên trồng lúa nước và thửa 215 diện tích 20,6m$^2$ đất ao nuôi cá nước ngọt (đều thuộc tờ bản đồ 105, bản đồ số đo đạc năm 2011) là đúng quy định của pháp luật.

[5] Tòa án sơ thẩm xác định về đối tượng khởi kiện, về thời hiệu khởi kiện, về quyết định hành chính liên quan đúng quy định pháp luật. Việc chứng minh, thu thập chứng cứ đã được thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định tại chương VI Luật tố tụng hành chính.

Các quyết định hành chính bị khởi kiện được ban hành đúng trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền, nội dung quyết định có căn cứ pháp luật. Tòa án sơ thẩm bác các yêu cầu khởi kiện của ông Cao Văn T là đúng quy định của pháp luật; kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm của ông T không có cơ sở chấp nhận, Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Kháng cáo không được chấp nhận nhưng ông T là người cao tuổi và có yêu cầu nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

Từ nhận định trên, căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của người khởi kiện là Cao Văn T; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 34/2022/HC-ST ngày 09 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân tỉnh X3;

2. Ông Cao Văn T được miễn án phí hành chính phúc thẩm;

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực ngay sau khi tuyên án.

***Nơi nhận:***
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh X3;
- VKSND tỉnh X3;
- Cục THADS tỉnh X3;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP, TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Mai**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

**CÁC THẨM PHÁN THẨM PHÁM - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Thái Duy Nhiệm Phạm Đình Khánh Lê Thị Mai**